

航空レーザ測量成果及び空中写真（オルソ画像）のデータ一覧及び計測年

内 容			形式	鳥取市※ <sup>1</sup>					米子市	倉吉市 ※ <sup>3</sup>	境港市	岩美町	若桜町	智頭町	八頭町 ※ <sup>4</sup>	三朝町	湯梨浜町	琴浦町	北栄町	日吉津村 ※ <sup>6</sup>	大山町	南部町	伯耆町	日南町	日野町	江府町	
				(1)	(2)※ <sup>2</sup>	(3)	(4)	(5)																			
航空レーザ測量成果																											
公 共 測 量 成 果	オリジナルデータ	TXT	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	グラウンドデータ	TXT	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	グリッドデータ	CSV・DTM	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	航空レーザ用写真地図データ（簡易オルソ画像）	TIFF	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	水部ポリゴンデータ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	低密度ポリゴンデータ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	※5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	※5	H30	R元	R元		
	DEM（数値標高モデル）データ	GeoTIFF	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	等高線データ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
地 形 解 析 成 果	微地形図（CS立体図）	GeoTIFF	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	微地形図（赤色立体図）	TIFF	—	—	R3	—	—	—	—	—	—	—	—	H30	—	—	—	—	—	—	—	—	H30	—	—		
	傾斜区分図	TIFF	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	斜面方位図	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
	SHC図	TIFF	—	—	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	—	—	—	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	—	—		
	路網データ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	崩壊地形位置図	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
森 林 資 源 解 析 成 果	DCHM（数値樹冠高モデル）	GeoTIFF	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	林相図データ（樹種ポリゴン）	GeoPackage	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	樹頂点（単木位置）データ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	森林資源量集計メッシュ	GeoPackage	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	森林資源量集計データ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	小班単位集計データ	SHAPE	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	特徴量画像（林相識別図）	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
	レーザ林相図	TIFF	—	—	R3	—	—	—	—	—	—	—	—	H30	—	—	—	—	—	—	—	—	H30	—	—		
	平均樹高分布図	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
	立木密度分布図	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
	推定蓄積分布図	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
	収量比数分布図	TIFF・SHAPE	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	相対幹距比分布図	TIFF・SHAPE	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	荒廃森林分布図	TIFF	R元	R元	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	—	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	—	R元	R元		
下層植生分布図（獣害被害推定）	TIFF	—	—	—	R3	R5	R5	R4	R5	R3	—	—	—	—	R5	—	R4	—	—	—	R2	—	—	—			
そ の 他	索引図	PDF	R元	R元	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	R元	H30	R元	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	R元	R元		
	図郭割図	SHAPE	—	—	R3	R3	R5	R5	R4	R5	R3	R2	—	H30	—	R5	R2	R4	—	R2	R2	R2	H30	—	—		
空中写真（オルソ画像）		GeoTIFF	—	※ <sup>7</sup>				R3	R4	R3	R2	R6	R6	※ <sup>7</sup>	R4	R4	R4	R4	R3	—	—	R3	R5	R5	R3		

※1 表中（1）～（5）は別紙1「航空レーザ測量の実施状況」の（1）～（5）の区域を示す

※2 鳥取市の（2）の区域の航空レーザ測量及び地形解析は鳥取県が行ったが、森林資源解析は令和4年度に鳥取市が実施。

※3 倉吉市は一部、令和2年度に測量した箇所あり。詳細は別紙1を参照。

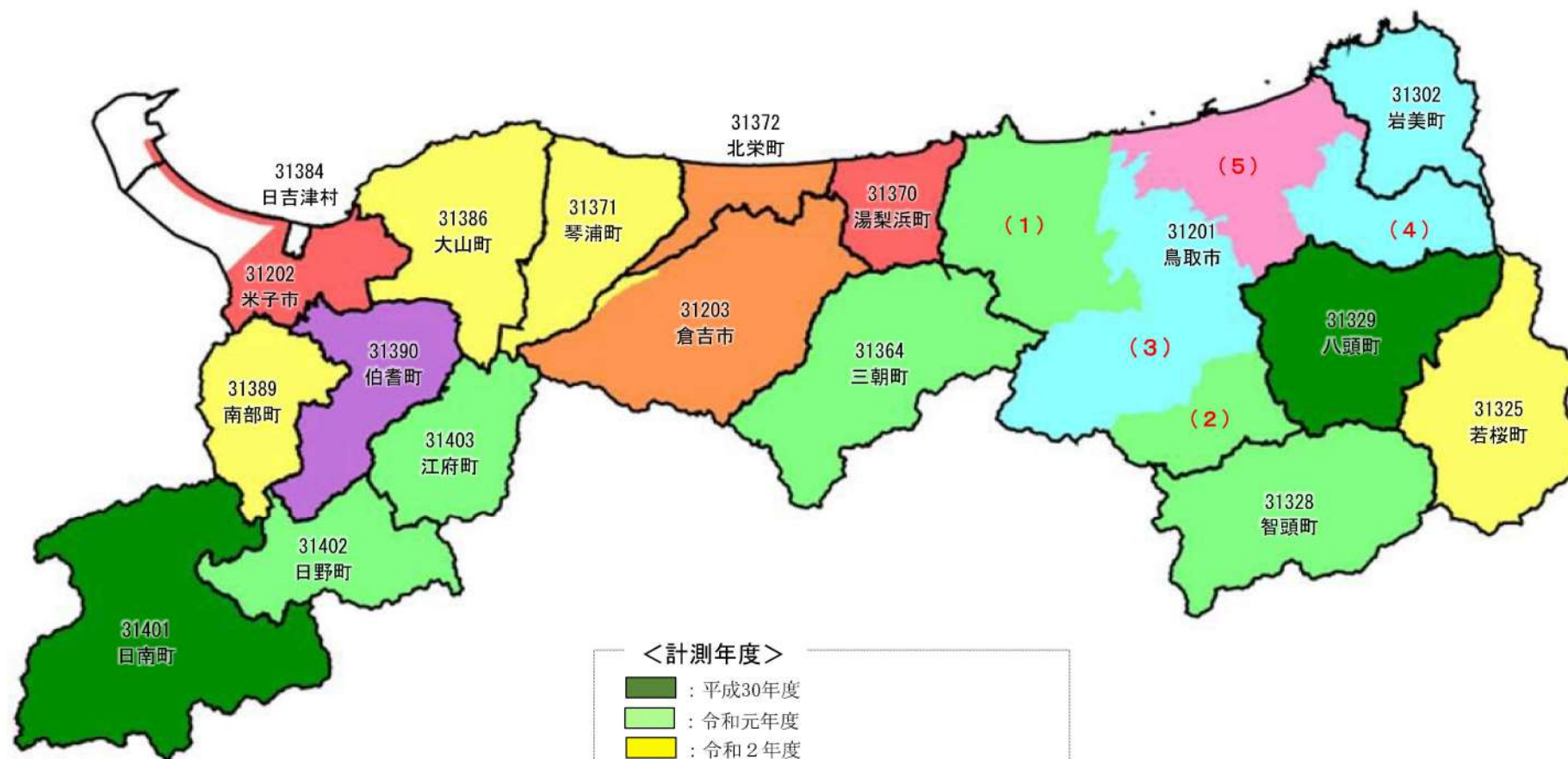
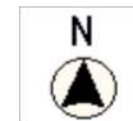
※4 八頭町全域の航空レーザ測量は鳥取県が行ったが、地形解析及び森林資源解析は令和元年度に八頭町が実施。

※5 鳥取市の（5）の区域及び伯耆町はそれぞれ令和5年度に国土地理院、令和2年度に国土交通省が航空レーザ測量を行い、本データの提供を受け鳥取県が地形解析及び森林資源解析を実施。

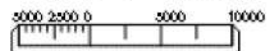
※6 「—」はデータがないことを示す。日吉津村は森林がほとんどないため、測量の予定なし。

※7 複数年度に分けて撮影を行っている。詳細は別紙2「空中写真撮影年度一覧図」を参照。

## 航空レーザ測量の実施状況



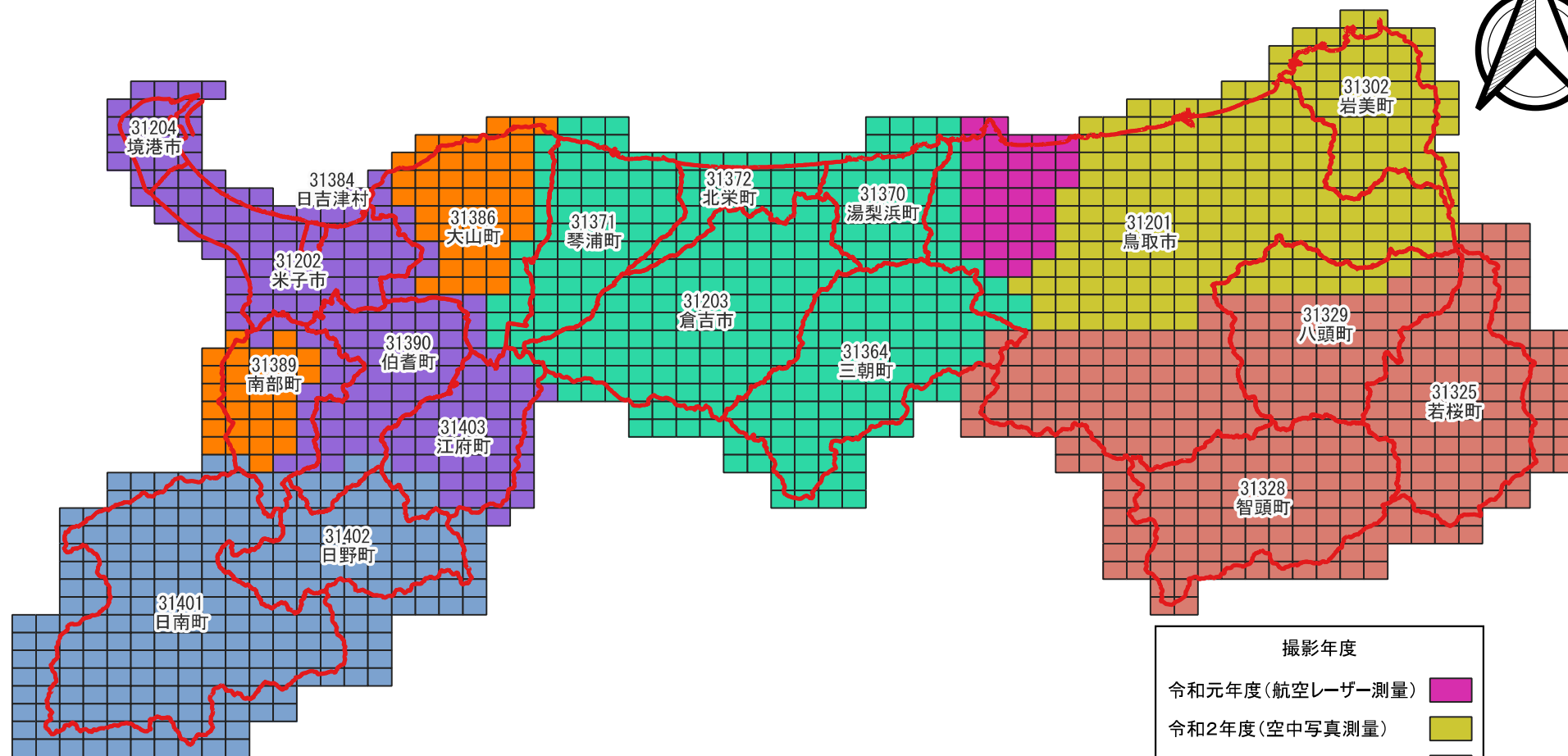
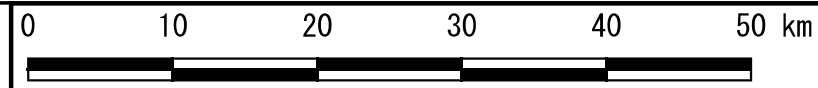
縮尺 1 : 500000



### <計測年度>

- : 平成30年度
- : 令和元年度
- : 令和2年度
- : 令和2年度 (国土交通省測量区域)
- : 令和3年度
- : 令和4年度
- : 令和5年度
- : 令和5年度 (国土地理院測量区域)
- : 計測予定なし

# 空中写真撮影年度一覧図



## 撮影年度

令和元年度(航空レーザー測量)

令和2年度(空中写真測量)

令和2年度(航空レーザー測量)

令和3年度(空中写真測量)

令和4年度(空中写真測量)

令和5年度(空中写真測量)

令和6年度(空中写真測量)